

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ - ST

Ngày 05/5/2021

“V/v ly hôn giữa chị T
và anh Đ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường

2. Ông Lê Thanh Miện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXX- HNGĐ ngày 20/4/2021, giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Đồng Xứng, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, Bắc Giang (có mặt)

1.2. Bị đơn: Anh Lưu Văn Đ, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Sơn Quả 4, xã Lương Phong, Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 19/11/2020, Bản tự khai ngày 06/01/2021 và các biên bản làm việc tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Lưu Văn Đ ngày 31/10/2012. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và có đăng ký tại UBND xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh Đ ham mê cờ bạc, không quan tâm đến vợ con nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh Đ từ tháng 8/2020. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Đ.

Tại Biên bản lấy lời khai và các biên bản làm việc, bị đơn anh Lưu Văn Đ thừa nhận thời gian và điều kiện kết hôn như chị T đã trình bày. Anh cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng mà do anh ham chơi, cờ bạc, không tu chí làm ăn và ít

quan tâm đến vợ con. Vợ chồng chấm dứt quan hệ từ tháng 8/2020 cho đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không mong muốn ly hôn, nhưng chị T cương quyết thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Cả hai anh chị đều trình bày, vợ chồng có 02 con chung là Lưu Ngọc Hân, sinh ngày 04/9/2013 và Lưu Thanh Huyền, sinh ngày 04/12/2015, hiện nay cháu Huyền đang sống cùng chị T còn cháu Hân đang sống cùng anh Đ. Khi ly hôn, chị T và anh Đ đều yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng, còn chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản, công sức, công nợ: Cả hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi cả hai con chung; về cấp dưỡng, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn là anh Lưu Văn Đ cũng giữ nguyên ý kiến về việc không mong muốn ly hôn, nhưng nếu chị T vẫn cương quyết thì anh đồng ý ly hôn; về con chung, anh yêu cầu mỗi người được nuôi 1 con chung, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có ý thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18, 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lưu Văn Đ.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi con chung Lưu Thanh Huyền, sinh ngày 04/12/2015; giao cho anh Lưu Văn Đ nuôi con chung Lưu Ngọc Hân, sinh ngày 04/9/2013. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do các đương sự không yêu cầu.

- Án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lưu Văn Đ kết hôn với nhau ngày 31/10/2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, mặc dù đã có thời gian dài chung sống hòa thuận, đã có 2 con chung nhưng do thời gian gần đây, anh Đ ham chơi cờ bạc, không tu chí làm ăn chăm lo cho vợ con nên mâu thuẫn vợ chồng đã nảy sinh. Do không dàn xếp được nên chị T về nhà mẹ đẻ và chấm dứt quan hệ tình cảm với anh Đ Từ tháng 8/2020. Cho đến nay, thời gian

anh chị sống ly thân đã lâu, chị T vẫn cương quyết xin ly hôn, anh Đ tuy không mong muốn ly hôn nhưng không có biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng, vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị T được ly hôn anh Đ.

[2]. Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Lưu Ngọc Hân, sinh ngày 04/9/2013 và Lưu Thanh Huyền, sinh ngày 04/12/2015. Mặc dù chị T yêu cầu nuôi cả hai con chung nhưng xét thấy việc để chị T nuôi cả hai con sẽ không đảm bảo về mọi mặt, mặt khác, anh Đ cũng có đủ điều kiện để nuôi con và anh Đ có yêu cầu được nuôi 1 con chung, vì vậy, cần giao cho anh chị mỗi người nuôi 1 con chung, cụ thể là giao cho chị T nuôi con chung Lưu Thanh Huyền, sinh ngày 04/12/2015; giao cho anh Đ nuôi con chung Lưu Ngọc Hân, sinh ngày 04/9/2013 như quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh chị có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Anh, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết cho đến khi các đương sự có yêu cầu.

[3]. Về tài sản, công sức, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Chị T không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên chị T phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn theo quy định, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18, 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lưu Văn Đ.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi con chung Lưu Thanh Huyền, sinh ngày 04/12/2015; giao cho anh Lưu Văn Đ nuôi con chung Lưu Ngọc Hân, sinh ngày 04/9/2013. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết cho đến khi các đương sự có yêu cầu. Anh Đ và chị T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

3/ Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000548 ngày 06/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa (xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí).

Báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Hiệp Hoà
- Chi cục THA DS Hiệp Hoà
- UBND xã Lương Phong
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Chu Mạnh Hà